

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 242/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 199x

Nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, Thành phố H.

Nơi ở: Thôn M, xã M, huyện Đ, Thành phố H.

Và anh Nguyễn Văn T, sinh năm 198x

Cư trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích N và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn ngày 06/5/201x tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, Thành phố H trên cơ sở tự nguyện là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh, chị về ở tại nhà đất của gia đình anh T tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, Thành phố H. Vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, thỉnh thoảng cũng xảy ra mâu thuẫn nhưng không trầm trọng. Từ tháng 10/2018, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống của hai vợ chồng, mâu thuẫn gia đình hai bên và chị N đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ đó đến nay. Việc mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã được hai bên gia đình động viên, hòa giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Tháng 10/2018, chị N đã khởi kiện xin ly hôn anh T tại Tòa án nhân dân huyện Đ. Qua các buổi làm việc, được Tòa án động viên, hoà giải, chị N đã rút đơn ly hôn để vợ chồng đoàn tụ nhưng mâu thuẫn vợ chồng không cải thiện được. Đến nay, chị N và anh T cùng xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể khắc phục được nên cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Tòa án tiến hành hòa giải theo hướng đoàn tụ gia đình nhưng các bên vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị N và anh T đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, thực tế chị N và anh T đã sống ly thân. Việc thuận tình ly hôn của chị N và anh T là tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội và phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Bích N và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung là Nguyễn Trung H, sinh ngày 12/6/201x. Chị N và anh T thỏa thuận, sau khi ly hôn, anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trung H đến khi con chung thành niên hoặc đến khi có quyết định khác của Tòa án. Chị N và anh T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, sự thỏa thuận về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn của chị N và anh T là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[4] Về Tài sản chung, công sức chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Bích N và anh Nguyễn Văn T thống nhất tự giải quyết và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị Bích N và anh Nguyễn Văn T thỏa thuận để chị Ngọc chịu toàn bộ lệ phí theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận giữa các đương sự như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bích N và anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Trung H, sinh ngày 12/6/201x đến khi con chung thành niên hoặc đến khi có quyết định khác của Tòa án. Chị Nguyễn Thị Bích N và anh Nguyễn Văn T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi con chung thành niên hoặc đến khi có quyết định khác của Tòa án.

Chị Nguyễn Thị Bích N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công sức chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Bích N và anh Nguyễn Văn T thống nhất tự giải quyết và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị Bích N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số

AA/2017/0008530 ngày 16/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, chi N đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh;
- UBND xã Đ, huyện Đ, T.p H (Giấy chứng nhận kết hôn số 25/2017 ngày 06/5/2017).
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN
Cao Anh Tuấn
(Đã ký)